

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 3 - 2017

V/v tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

2. Ông Huỳnh Bá Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Sương- Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu P. Sinh năm: 1982

Trú tại: Tổ 03, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng- Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc C- Luật sư, Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư TP. Đà Nẵng - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T1. Sinh năm: 1981

Trú tại: Tổ 03, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng X- Phòng giao dịch quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Địa chỉ: Số 10 Đường P quận N, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T2- Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ánh S- Phó giám đốc phòng giao dịch, theo Văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Dương Quyết T và Văn bản ủy quyền số 211/QĐ-NHCS ngày 25/12/2017 của bà Nguyễn Thị Nguyệt A- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2017, đơn trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn T kết hôn với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận N, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng hay cãi vã nhau, ông T không có trách nhiệm với gia đình, ông T có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác. Nên năm 2011 bà đã gửi đơn ly hôn, nhưng vì con còn quá nhỏ nên bà rút đơn về chung sống lại với nhau, sau một tháng hòa giải về nhưng cả hai không thể hàn gắn lại với nhau.

Hiện nay mâu thuẫn lại phát sinh nên bà không thể tiếp tục chung sống với người chồng như vậy. Hiện nay tình cảm của bà đối với ông T không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Phạm Đức M, sinh ngày 15/3/2011 và Phạm Minh A1, sinh ngày 02/5/2015. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông xác nhận với bà P về thời gian kết hôn và thời điểm chung sống. Theo ông nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ ông nghi ngờ ông có người phụ nữ khác nên hay xảy ra cãi vã nhau làm ảnh hưởng đến tâm lý của con, ông không còn tình cảm với bà P nữa. Nay bà Huỳnh Thị Thu P có đơn gửi Tòa án xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Đức M, sinh ngày 15/3/2011 và Phạm Minh A1, sinh ngày 02/5/2015. Nếu ly hôn ông yêu cầu được nhận trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng X- Phòng giao dịch quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng trình bày: Ngày 24/2/2017 hộ gia đình ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Thu P, tại tổ 03, phường H có vay của Ngân hàng X - Phòng giao dịch quận Ngũ Hành Sơn số tiền 50.000.000 đồng. Với lãi suất 0,55%/tháng; thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối là ngày 24/2/2020. Đến nay đã trả khoảng 3.492.000 đồng tiền gốc. Hiện nay còn nợ lại Ngân hàng chính sách 46.508.000 đồng. Nếu ông T và bà P ly hôn thì yêu cầu ông T và bà P phải trả dứt điểm số nợ trên cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 35; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thu P đối với ông Phạm Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu P được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Đức M, sinh ngày 15/3/2011 cho ông Phạm Văn T nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Minh A1, sinh ngày 02/5/2015 cho bà Huỳnh Thị Thu P nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu P nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Huỳnh Thị Thu P và ông Phạm Văn T kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận N, TP. Đà Nẵng; hôn nhân tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống với nhau đến năm 2011 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo khai nại của bà P thì nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng hay cãi vã nhau, ông T không có trách nhiệm với gia đình, ông T có quan hệ ngoại tình

với nhiều người phụ nữ khác nên năm 2011 bà đã gửi đơn ly hôn, nhưng vì con còn quá nhỏ nên bà rút đơn về chung sống lại với nhau, sau một tháng hòa giải về nhưng cả hai không thể hàn gắn lại với nhau.

Còn theo lời khai của ông T thì mâu thuẫn vợ chồng là do vợ nghi ngờ ông có người phụ nữ khác, vì vậy hay xảy ra cãi vã nhau nên ông không còn tình cảm với bà P nên ông đồng ý ly hôn.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau, bà P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng hay cãi vã nhau, ông T không có trách nhiệm với gia đình, ông T có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác.

Còn ông T cũng xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông đã quá trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn được nữa nên ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà P.

Tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa cả bà P và ông T đều thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà P với ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận việc thuận tình ly hôn của hai bên để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P đã nêu lên những luận chứng của mình và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình; công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Thu P với ông Phạm Văn T. Riêng việc nuôi con chung đề nghị tòa án giao 02 con cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con con đủ 18 tuổi.

Qua ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận. Riêng việc giao 02 con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là chưa thỏa đáng. Bởi vì, mặc dù hiện nay cháu Phạm Đức M đã đủ 7 tuổi nhưng quyền nuôi con là của những người làm cha làm mẹ đều có trách nhiệm như nhau, do vậy việc giao cả 02 con cho bà P nuôi dưỡng là không chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

- **Về con chung:** Vợ chồng bà P và ông T có 02 con chung, Phạm Đức M, sinh ngày 15/3/2011 và Phạm Minh A1, sinh ngày 02/5/2015. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi 02 con và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng; còn ông T xin được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ; ở đây cả ông T và bà P đều có khả năng nuôi con đảm bảo. Hiện nay cháu M đã đủ 7 tuổi, tuy nhiên vào thời điểm cháu M có bản trình bày thì cháu chưa đủ 7 tuổi nên chưa có cơ sở để xem xét. Mặc dù cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng ông T cũng tha thiết xin được nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Phạm Đức M cho ông Phạm Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu A1 hiện nay dưới 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn; do vậy cần giao cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như quyền lợi của các đương sự, đồng thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Bà Huỳnh Thị Thu P và ông Phạm Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- **Về nợ chung:** Bà Huỳnh Thị Thu P và ông Phạm Văn T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng X- Phòng giao dịch quận Ngũ Hành Sơn không yêu cầu ông T và bà P trả nợ vì hợp đồng vay vốn giữa ông T và bà P với Ngân hàng đang còn trong thời hạn nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Huỳnh Thị Thu P phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thu P đối với ông Phạm Văn T.

1- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Thu P với ông Phạm Văn T.

2- Về con chung: Xử: Giao con Phạm Đức MiMnh, sinh ngày 15/3/2011 cho ông Phạm Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao con Phạm Minh A1 sinh ngày 02/5/2015 cho bà Huỳnh Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Không đề cập đến.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Huỳnh Thị Thu P phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004430 ngày 05/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường H, quận N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm